

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁP MƯỜI  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2020

V/v Tranh chấp HNGĐ ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Văn Thanh.

Ông Lê Văn Vững.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 297/2020/TLST - HNGĐ ngày 01/6/2020, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 382/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1975

- Bị đơn: Lê Văn L1, sinh năm: 1972

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã MĐ, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T- Tổng giám đốc ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02, Đường Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh Phong – Giám đốc NHN<sub>0</sub> & PTNT Việt Nam chi nhánh Tháp Mười (theo văn bản ủy quyền số : 2965/QĐ-NHN<sub>0</sub> - PC, ngày 27/12/2019).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn MA, huyện TM, Đồng Tháp.

( Bà L, ông L1 có mặt tại phiên tòa, Ngân hàng có đơn vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Bà Nguyễn Thị L trình bày:** Năm 1997, bà và ông L1 được cha mẹ đồng ý tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đông. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc hơn 20 năm nhưng gần đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, làm cho cuộc sống hôn nhân luôn nặng nề. Vì thương con bà cố gắng chịu đựng mong ông L1 thay đổi nhưng đến nay bà thấy không thể nếu kéo, hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với ông L1.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên Lê Kim PH, sinh năm 1999 (đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết); Lê Hữu T, sinh ngày 09/8/2007 hiện đang sống với bà L, bà L yêu cầu được nuôi con, yêu cầu ông L1 cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung:*

+ Đất ruộng: Có diện tích 30.439,3m<sup>2</sup> tại thửa 110, tờ bản đồ 1, giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho Hộ ông Lê Văn L1, đất tọa lạc ấp 4, xã Hưng Thạnh, huyện Tháp Mười. Trong đó có 10.000m<sup>2</sup> đất của bà được mẹ là Phan Thị Lục cho trước khi lấy ông L1. Còn lại 20.439,3m<sup>2</sup> vợ chồng bà mua của anh trai là Nguyễn Thanh Ngôn là tài sản chung của vợ chồng. Bà L yêu cầu được chia đôi tài sản chung trong diện tích 20.439,3m<sup>2</sup>, bà yêu cầu nhận hiện vật là phần đất diện tích là 10.219,65m<sup>2</sup>.

+ Một căn nhà cấp 4 có chiều ngang 8,5m, chiều dài 18m, tọa lạc ấp 3, xã Mỹ Đông, huyện Tháp Mười, cất trên phần đất do ông L1 đứng tên, giá trị căn nhà tạm tính là 600.000.000đ. Bà L yêu cầu chia đôi bà nhận số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

- *Về nợ chung:* Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Tháp Mười số tiền 120.000.000đ. Bà L đồng ý trả ½ số nợ chung là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi suất của Ngân hàng.

Và Hiện nay bà L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung và nợ chung.

**Ông Nguyễn Văn L1 trình bày:** Ông và bà L kết hôn vào năm 1997, đến năm 2004 đăng ký kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc nhưng sau này xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đồng ý ly hôn nhưng hiện nay ông suy nghĩ lại vẫn còn thương bà L, mong muốn bà L trở về sống chung để lo cho các con, nên ông không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên Lê Kim PH, sinh năm 1999 (đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết); Lê Hữu T, sinh ngày 09/8/2007, ông đồng ý giao lại cho bà L nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung:* Diện tích 30.439,3m<sup>2</sup> tại thửa số 110, tờ bản đồ số 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê Văn L1, đất tọa lạc tại ấp 4, xã Hưng Thạnh, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Trong đó, có 10.000m<sup>2</sup> đất của bà L được mẹ là Phan Thị Lục cho trước khi lấy ông. Còn lại diện tích 20.439,3m<sup>2</sup> vợ chồng ông mua của anh trai là Nguyễn Thanh Ngôn là tài sản

chung của vợ chồng. Ông đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà L, giao lại cho bà L diện tích 10.219,65m<sup>2</sup>.

- *Về nợ chung*: Ông đồng ý trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Tháp Mười số tiền 60.000.000đ và ½ số tiền lãi của Ngân hàng.

***Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Tháp Mười – Đại diện ông P trình bày***: Vợ chồng ông L1 có vay tiền của Ngân hàng theo hợp đồng số 6505LAV20161239 ngày 04/10/2016, nay vợ chồng ông L1 xảy ra tranh chấp, Ngân hàng có ý kiến nếu vợ chồng ông L1 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng giao trả quyền sử dụng đất lại cho vợ chồng ông L1.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Theo đơn khởi kiện ghi ngày 11/3/2020 và Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ghi ngày 14/7/2020 của bà Nguyễn Thị L là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông L1 được hai bên gia đình tổ chức đám cưới từ năm 1997, đến năm 2004 đăng ký kết hôn, trong quá trình sống chung vợ chồng có hạnh phúc được hơn 20 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không hàn gắn được tình cảm nên bà L yêu cầu được ly hôn, ông L1 không đồng ý ly hôn.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông L1 vì bà L cho rằng tình cảm không còn, hiện nay vợ chồng đã ly thân và từ thời gian ly thân đến nay hai bên không hàn gắn được, cuộc sống chung không hạnh phúc. Do đó, xét thấy tình cảm vợ chồng không thể kéo dài được nên xác định mục đích hôn nhân của ông, bà không đạt được và cũng cần tạo điều kiện cho hai bên có cuộc sống tốt hơn nên chấp nhận yêu cầu bà L được ly hôn với ông L1.

[4] *Về nuôi con chung*: Bà L, ông L1 thống nhất có 02 con chung tên Lê Kim PH, sinh năm 1999 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Lê Hữu T, sinh ngày 09/8/2007 hiện đang sống chung với bà L.

Tại phiên hôm nay bà L, ông L1 thống nhất bà L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng Lê Hữu T, đồng thời theo nguyện vọng của Hữu T là được sống với mẹ.

Và tại phiên tòa hôm nay bà L không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và nợ chung mà để bà L, ông L1 tự thỏa thuận giải quyết.

[6] Bà L phải chịu án án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014;

Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về chia tài sản chung và nợ chung.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Lê Văn L1.

- *Về nuôi con chung*: Bà L, ông L1 thống nhất có 02 con chung tên Lê Kim PH, sinh năm 1999 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; Lê Hữu T, sinh ngày 09/8/2007.

Bà L, ông L1 thống nhất bà L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng Lê Hữu T. Bà L không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con.

Bà L, ông L1 có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông L1 được quyền thăm nom con, không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

- *Về tài sản chung và nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải.

- *Về án phí*: Bà L phải chịu án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm đã nộp là 16.475.000đ theo biên lai thu số 0000473, quyền số 0010 ngày 06/5/2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà L được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 16.175.000đ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay các bên đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án cấp trên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND Tỉnh ĐT;
- VKSND cùng cấp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án. (M)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Thanh Mai**